

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phân cấp quản lý và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông  
đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy  
nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính  
phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao  
thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính  
phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao  
thông đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2021 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành  
phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố  
thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-  
SGTVT ngày tháng năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

**Điều 3.** Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**

**QUY ĐỊNH**  
**PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO**  
**THÔNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
**ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021  
của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc phân cấp thẩm quyền quyết định về quản lý và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hạ tầng giao thông đường bộ, gồm: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, gồm: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

**Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 4. Phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường huyện, đường đô thị và hệ thống đường do địa phương quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường xã, đường giao thông nông thôn, đường giao thông khu phố và các tuyến đường được giao quản lý.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Sở Giao thông vận tải quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc tỉnh quản lý và các tuyến đường thủy khác được UBND tỉnh giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

**Điều 5. Phân cấp bàn giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cho Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

**Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải tổ chức rà soát, báo cáo UBND tỉnh giao quản lý các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường được giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát hệ thống đường huyện, đường đô thị, đường xã, báo cáo UBND tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho UBND huyện, thành phố quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát hệ thống đường xã, đường giao thông nông thôn, đường giao thông khu phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao quản lý theo phân cấp.

d) Hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Sở Giao thông vận tải rà soát, báo cáo UBND tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, báo cáo UBND tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

c) Hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

**Điều 7. Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

b) Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

- Hình thức thu hồi tài sản được thực hiện theo Điều 19 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- Hình thức điều chuyển tài sản được thực hiện theo Điều 20 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- Hình thức bán tài sản được thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- Hình thức thanh lý tài sản được thực hiện theo Điều 22 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- Hình thức xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo Điều 23 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được quy định tại Điều 19 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

b) Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- Hình thức thu hồi tài sản được thực hiện theo Điều 20 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Hình thức điều chuyển tài sản được thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Hình thức bán tài sản được thực hiện theo Điều 22 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Hình thức thanh lý tài sản được thực hiện theo Điều 23 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Hình thức xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo Điều 24 của Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

**Điều 8. Thẩm quyền xử lý bán, thanh lý tài sản, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, thanh lý tài sản, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng.

**Điều 9. Trách nhiệm của nhà thầu (công ty) quản lý bảo dưỡng, duy tu khi phát hiện tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa bị mất, hư hỏng**

1. Xác định nguyên nhân và làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Báo cáo và lập biên bản xác định tài sản bị mất, hư hỏng, tường trình sự việc, trong đó nêu rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan và có xác nhận của UBND cấp xã *(nơi xảy ra tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị mất, hư hỏng)*.

3. Giải trình với cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

4. Bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị mất mát, hư hỏng.

5. Lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan được giao quản lý tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Biên bản xác định tài sản bị mất, hư hỏng có xác nhận của UBND cấp xã *(nơi xảy ra tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị mất, hư hỏng)*;

c) Danh mục tài sản bị mất, hư hỏng: 01 bản chính;

d) Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, hư hỏng: 01 bản sao.

**Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc phối hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa bị mất, hư hỏng**

1. Tiếp nhận thông tin trình báo của nhà thầu (công ty) quản lý bảo dưỡng, duy tu đường bộ (hoặc đường thủy nội địa) trong trường hợp tài sản bị mất, hư hỏng.

2. Phối hợp xác minh, tìm nguyên nhân.

3. Ký biên bản về việc tài sản bị mất, hư hỏng với nhà thầu (công ty) quản lý bảo dưỡng, duy tu đường bộ (hoặc đường thủy nội địa) làm cơ sở để cơ quan được giao quản lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện thủ tục xử lý tài sản theo quy định.

**Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý tài sản trong việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa bị mất, hư hỏng**

1. Trên cơ sở báo cáo và đề nghị ghi giảm tài sản của nhà thầu (công ty) quản lý bảo dưỡng, duy tu đường bộ (hoặc đường thủy nội địa) khi phát hiện tài sản bị mất, hư hỏng; cơ quan được giao quản lý tài sản căn cứ vào giá trị tài sản để quyết định xử lý tài sản hoặc báo cáo, làm thủ tục đề nghị cơ quan quản lý tài sản đề xử lý theo thẩm quyền.

2. Trường hợp tài sản bị mất, hư hỏng được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 33/2019/NĐ-CP đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (hoặc khoản 6 Điều 24 Nghị định 45/2018/NĐ-CP đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa), sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có) nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 12. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được bảo trì theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, Nghị định 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 và các quy định của pháp luật có liên quan; Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được bảo trì theo quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021, Nghị định 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bảo trì tài sản bảo đảm tuân theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác tài sản.

2. Trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa: Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa chịu trách nhiệm bảo trì tài sản theo quy định.

3. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Báo cáo và cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa phải được báo cáo kê khai và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa để quản lý thống nhất.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận làm cơ sở cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa để quản lý thống nhất.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phổ biến triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có ý kiến về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Giao thông vận tải để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa và giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện những nội dung được quy định tại Quyết định này./.